

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2021/DS-PT
Ngày 15-11-2021
“V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu.

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 194/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 103/10, đường C, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Huỳnh Tất Cẩm B, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 103/10, đường C, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trương Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm như sau:

Vào năm 2014, bà Nguyễn Thị Lân, sinh năm 1933 là mẹ của bà N làm thủ tục tặng cho bà N 121m² đất ở nông thôn thuộc thửa đất 2205, tờ bản đồ số 02, thuộc Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Long An. Bà N được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 950507 ngày 05/3/2014. Phần đất của bà N vẫn còn để đất trống, cạnh đất của bà N là căn nhà của ông Trương Văn H trên thửa đất 2099. Thửa đất 2099 cũng là bà Lân tặng cho cháu nội là ông Trương Văn H (là con người anh thứ 5 của bà N). Khi bà Lân cho đất bà N thì trên đất là đất trống không có tài sản gì, ông Trương Văn H cũng chưa làm hàng rào lưới B40 và làm mái che trên thửa đất của bà N. Khoảng năm 2018, bà N phát hiện ông H lấn qua đất của bà N để làm hàng rào và mái che. Do chỗ cô cháu bà N có nói chuyện giải quyết với ông H nhưng ông H vẫn lấn chiếm đất nên bà N làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Phước Lâm giải quyết. Ủy ban xã hòa giải không thành nên bà N khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Trương Văn H pH tháo dỡ những vật kiến trúc mà ông H đã xây dựng trả đất cho bà N.

Căn cứ vào Trích đo địa chính số 194 ngày 05/5/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt thì bà N có yêu cầu ông H phải trả cho bà N các diện tích đã lấn chiếm thuộc thửa đất 2205 như sau: vị trí I diện tích 0,6m²; vị trí K diện tích là 5,9m² hiện trạng là một phần mái che; vị trí L diện tích là 8,5m²; vị trí M diện tích là 2,6m² (hiện trạng một phần nhà); vị trí N diện tích 13,2m², đây là những phần đất của bà N đứng tên nhưng ông H sử dụng không được sự đồng ý của bà N cho nên bà N yêu cầu ông H tháo dỡ các tài sản có trên đất trả cho bà N diện tích đất thổ thuộc thửa 2205 là 30,8m².

Bị đơn ông Trương Văn H trình bày trong quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm như sau:

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H đứng tên thửa đất 2099, tờ bản đồ số 02 diện tích 123m² loại đất ở nông thôn, đất tại ấp Phước Kế, xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc số BI 855969 Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp ngày 16/4/2012. Bà Nguyễn Thị Lân, sinh năm 1933 là bà nội của ông H làm thủ tục tặng cho, ông H xây nhà ở trước khi bà Lân làm thủ tục cho

đất. Sau khi ông H làm nhà thì bà Lân có cho thêm ông H một phần đất làm chũ L phơi đồ nên ông H mới xây hàng rào lưới B40 và mái che vào năm 2012. Ông H làm hàng rào và mái che trước khi bà Lân chuyển quyền sử dụng đất cho bà N. Ông H cho rằng khi bà N đứng tên thửa đất 2205 thì ông H đã xây dựng hàng rào và mái che trên đất rồi, bà N làm giấy không có ông H ký giáp ranh, ông H làm hàng rào, mái che bà N biết nhưng không có ý kiến. Ông H không đồng ý tháo dỡ phần tài sản có trên đất gồm mái che, hàng rào lưới B40 để trả lại phần đất có diện tích 30,8m² đất thổ cho bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn Cẩm B trình bày:

Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà N, ông B xác định ông H làm hàng rào mái che năm 2017, bà N có ngăn cản, ông H vẫn làm nên bà N mới đi thưa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông H không đồng ý trả đất cho bà N.

Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

“Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 158, 175, 189 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 166, 167, 168 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N yêu cầu ông Trương Văn H trả quyền sử dụng đất.

Buộc ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ tháo dỡ hàng rào lưới B40 (tường lửng, trụ bê tông đúc sẵn) tại các vị trí I diện tích 0,6m²; vị trí K diện tích là 5,9m² hiện trạng là một phần mái che; vị trí L diện tích là 8,5m²; vị trí N diện tích 13,2m² đều do ông H đang sử dụng trả lại cho bà N tổng diện tích là 28,2m² đất thổ.

Vị trí và diện tích phần đất trên theo trích đo địa chính số 194 ngày 05/5/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa.

Buộc ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ trả giá trị 2,6m² đất ở nông thôn cho bà Lê Thị N 8.190.000 đồng.

Ông Trương Văn H được tiếp tục sử dụng 2,6m² đất ở nông thôn là 01 phần thửa đất 2205, tờ bản đồ số 02, đất tại ấp Phước Kế, xã Phước Lâm, huyện Cần

Giuộc. Vị trí M theo trích đo địa chính số 194 ngày 05/5/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa.

Bà Lê Thị N và ông Trương Văn H được đến cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với vị trí và diện tích đang sử dụng.

Buộc ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị N1 trả chi phí tố tụng cho bà Lê Thị N 15.150.000 đồng.

Án phí: ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.851.000 đồng; Trả cho bà Lê Thị N tạm ứng án phí 1.950.000 đồng theo biên lai thu số 0009910 ngày 22/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/9/2020, bị đơn ông Trương Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông H trình bày: Phần đất tranh chấp do bà nội ông H là bà Nguyễn Thị Lân cho bằng miệng năm 2012 nên ông H mới xây hàng rào và mái che. Đến năm 2014, bà N mới được mẹ là bà Lân cho đất nên yêu cầu khởi kiện của bà N là không có căn cứ.

Bà N trình bày: Khi bà Lân cho đất bà N thì hiện trạng là đất trống. Năm 2016, ông H mới xây hàng rào và mái che lấn qua chứ không pH xây năm 2012. Do đó, bà N không đồng ý kháng cáo của ông H.

Người liên quan bà Nhiều trình bày: Bà Nhiều là vợ ông H, thống nhất ý kiến ông H.

Người liên quan ông Bân trình bày: Ông Bân là chồng bà N, thống nhất ý kiến bà N.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông H yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét phần đất tranh chấp là do bà nội (bà Lân) cho ông trước khi cất đất cho bà N, xét yêu cầu kháng cáo của ông H thấy rằng:

Về nguồn gốc các thửa đất: Nguồn gốc thửa 2205 của bà Lê Thị N và thửa 2099 của ông Trương Văn H đều do bà Nguyễn Thị Lân là mẹ ruột của bà N và là bà nội của ông H tặng cho.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy: Ngày 28/02/2012, bà Lân tặng cho ông H thửa đất 2099, diện tích là 123m², loại đất ở nông thôn, tách từ thửa 154 của bà Lân, có trích đo bản đồ địa chính ngày 26/3/2012 các cạnh chiều ngang là 05m mỗi cạnh chiều dài là 25,6m. Trong biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 18/02/2012 vị trí xung quanh thửa đất ông H giáp bờ tre, đất trồng, ruộng.

Theo ông H, ông H xây dựng căn nhà đang ở có diện tích 54,7m² tại các vị trí B, M, X được thể hiện trong trích đo. Sau khi xây dựng nhà xong ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H cho rằng bà Lân có cho thêm ông H phần đất kế bên để ông H làm chữ L như xây hàng rào và làm thêm mái che ở phía sau, nhưng bà Lân nói miệng không làm giấy. Hiện nay ông H cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này.

Tại phiên tòa, ông H kháng cáo nhưng cũng không có căn cứ nào chứng minh phần đất ông H xây thêm chữ L là được bà Lân cho. Tuy nhiên, bản án tuyên phần án phí chưa chính xác đề nghị xem xét sửa về án phí cũng như phần tuyên án. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của ông H.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cải sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Trương Văn H kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Ông Trương Văn H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo, thấy rằng:

[3.1] Về nguồn gốc và hồ sơ cấp giấy thửa đất 2099: Thửa đất số 2099, diện tích 123m², loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 02 tại Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Long An do ông Trương Văn H được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 855969 do cấp ngày 16/4/2012. Nguồn gốc thửa 2099 do bà Nguyễn Thị Lân là bà nội ông H tặng cho ngày 28/3/2012, tách ra từ thửa 154. Khi làm thủ tục tặng cho có lập Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất được UBND xã Phước Lâm xác nhận, trong đó

chiều ngang 5m, chiều dài 25,6m, phía bắc thửa 2009 giáp phần đất trống (phần còn lại của thửa 154 do bà Lân đứng tên quyền sử dụng đất).

[3.2] Về nguồn gốc và hồ sơ cấp giấy thửa đất 2205: Thửa đất số 2205, diện tích 121m², loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 02 tại Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Long An do bà Lê Thị N được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00946 do cấp ngày 05/3/2014. Nguồn gốc thửa 2205 do bà Nguyễn Thị Lân là mẹ ruột bà N tặng cho ngày 31/12/2013, tách ra từ thửa 154. Khi làm thủ tục tặng cho có lập Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất được UBND xã Phước Lâm xác nhận, trong đó chiều ngang 5m, chiều dài một cạnh 24,1m, một cạnh 25m, phía nam thửa 2205 giáp thửa 2099 (hiện trạng là nhà của ông H).

[3.3] Như vậy, khi ông H, bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có Biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất được UBND xã Phước Lâm xác nhận. Tuy nhiên, căn nhà ông H xây dựng năm 2012 có một phần nhà (vị trí M diện tích 2,6m²) kiên cố nằm trên thửa 2205. Ông H trình bày năm 2012 được bà Lân cho thêm 01 mét ngang phần giáp thửa 2205 để xây hàng rào và mái che nhưng không có căn chứng minh được. Hơn nữa, tại Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Phước Lâm ngày 28/6/2018, ông H trình bày ngoài thửa đất số 2099, tờ bản đồ số 02, tiếp giáp với thửa đất 2205 do bà N sử dụng còn thêm 01m ngang do bà Nguyễn Thị Lân cho nên ông mới khai thác sử dụng và làm tường rào kiên cố (các vị trí đã đo đạc là I diện tích 0,6m²; K diện tích là 5,9m²; L diện tích là 8,5m²; N diện tích 13,2m²) từ sau năm 2016. Do đó, có cơ sở cho rằng hàng rào và mái che ông H xây dựng có từ sau khi bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cho nên Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về yêu cầu ông H, bà Nhiều trả lại các vị trí I, K, L, N là có căn cứ. Đối với vị trí M do ông H xây dựng căn nhà kiên cố năm 2012 nên Tòa án sơ thẩm đã buộc ông H, bà N1 trả lại giá trị quyền sử dụng đất đã được định giá là 8.190.000 đồng là có căn cứ. Ông H kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[3.4] Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N nên buộc ông H, bà N1 chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch toàn bộ là chưa đúng. Ông H, bà N1 chỉ phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với yêu cầu của bà N về trả quyền sử dụng đất bằng hiện vật được chấp nhận tại các vị trí I, K, L, N của Mạnh trích đo địa chính. Đối với yêu cầu của bà N về trả quyền sử dụng đất tại vị trí M (định giá là 8.190.000 đồng) thì ông H, bà Nhiều phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 409.500 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã tuyên thiêu quyền và nghĩa vụ của đương sự ở giai đoạn thi hành án. Do đó, cấp phúc thẩm sửa lại phần án phí cho phù hợp và tuyên bổ sung quyền và nghĩa vụ của đương sự ở giai đoạn thi hành án để đảm bảo thi hành án. Ông H kháng cáo toàn bộ bản án nên được chấp nhận một phần kháng cáo về án phí sơ thẩm.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn H về yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn H về phần án phí sơ thẩm. Sửa bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[5] Về chi phí tố tụng ở Tòa án phúc thẩm: Buộc ông Trương Văn H phải chịu toàn bộ là 2.200.000 đồng (đã nộp xong).

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo liên quan đến phần bản án bị sửa nên ông H không phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Những nội dung khác trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn H về yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn H về phần án phí sơ thẩm.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 158, 175, 189 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 166, 167, 168 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N yêu cầu ông Trương Văn H trả quyền sử dụng đất.

Buộc ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ tháo dỡ hàng rào lưới B40 (tường lửng, trụ bê tông đúc sẵn) tại các vị trí I diện tích 0,6m²; vị trí K diện tích là 5,9m² hiện trạng là một phần mái che; vị trí L diện tích là 8,5m²; vị trí N diện tích 13,2m² đều do ông H đang sử dụng trả lại cho bà N tổng diện tích là 28,2m² đất thổ.

Vị trí và diện tích phần đất trên theo trích đo địa chính số 194 ngày 05/5/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa được

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt ngày 05/5/2020.

Buộc ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ trả giá trị 2,6m² đất ở nông thôn cho bà Lê Thị N là 8.190.000 đồng.

Ông Trương Văn H được tiếp tục sử dụng 2,6m² đất ở nông thôn là 01 phần thửa đất 2205, tờ bản đồ số 02, đất tại ấp Phước Kế, xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc. Vị trí M theo trích đo địa chính số 194 ngày 05/5/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

2. Về chi phí tố tụng ở cấp sơ thẩm: Buộc ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị N1 trả chi phí tố tụng cho bà Lê Thị N 15.150.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 709.500 đồng; Hoàn trả cho bà Lê Thị N tạm ứng án phí đã nộp là 1.950.000 đồng theo biên lai thu số 0009910 ngày 22/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Về chi phí tố tụng ở cấp phúc thẩm là 2.200.000 đồng, buộc ông Trương Văn H phải chịu toàn bộ (đã nộp xong).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn H không phải chịu. Hoàn trả cho ông Trương Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002691 ngày 09/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Nhữn